

## CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG ĐỢT III

### CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

(Đợt III: Căn ngày 20 tháng 03 năm 2025)

| TT          | Nhóm lớp     | Tổng số trẻ | Tổng số trẻ cân đo | Tỷ lệ %    | Đánh giá sự phát triển của trẻ |          |          |          |              | Kênh tăng trưởng (Chiều cao) |             |             |          |
|-------------|--------------|-------------|--------------------|------------|--------------------------------|----------|----------|----------|--------------|------------------------------|-------------|-------------|----------|
|             |              |             |                    |            | BT                             | SDD Nhẹ  | SDD vừa  | SDD Nặng | Thừa cân, BP | BT                           | Thấp còi Đ1 | Thấp còi Đ2 | Quá cao  |
| 1           | NTA1         | 9           | 9                  | 100        | 9                              | 0        | 0        | 0        | 0            | 9                            | 0           | 0           | 0        |
| 2           | NTA2         | 22          | 22                 | 100        | 22                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 22                           | 0           | 0           | 0        |
| 3           | NTA3         | 16          | 16                 | 100        | 16                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 16                           | 0           | 0           | 0        |
| 4           | NTA4         | 9           | 9                  | 100        | 9                              | 0        | 0        | 0        | 0            | 9                            | 0           | 0           | 0        |
| 5           | 3TA          | 25          | 25                 | 100        | 25                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 25                           | 0           | 0           | 0        |
| 6           | 3TB          | 10          | 10                 | 100        | 10                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 10                           | 0           | 0           | 0        |
| 7           | 4TA          | 18          | 18                 | 100        | 18                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 18                           | 0           | 0           | 0        |
| 8           | 4TB          | 12          | 12                 | 100        | 12                             | 0        | 0        | 0        | 0            | 11                           | 1           | 0           | 0        |
| 9           | 5A           | 29          | 29                 | 100        | 28                             | 1        | 0        | 0        | 3            | 28                           | 1           | 0           | 0        |
|             |              |             |                    |            |                                |          |          |          |              |                              |             |             |          |
| <b>Tổng</b> | <b>9 lớp</b> | <b>150</b>  | <b>150</b>         | <b>100</b> | <b>146</b>                     | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>3</b>     | <b>148</b>                   | <b>2</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b> |

Số trẻ được cân : 150/150  
 Số trẻ cân nặng BT : 146/150  
 Số trẻ suy DD : 01/150  
 Số trẻ thừa cân ,béo phì : 3/150  
 Tổng Trẻ sddnc, tc, bp: 6/150  
 Số trẻ PTBT: 144/150

Tỷ lệ đạt: 100%  
 Tỷ lệ đạt: 97.3%  
 Tỷ lệ đạt: 0.6%  
 Tỷ lệ đạt: 2.0 %  
 Tỷ lệ đạt: 4.0%  
 Tỷ lệ đạt: 96.0%

Số trẻ được cân : 150/150 đạt 100%  
 Số trẻ chiều cao BT : 148/150 đạt 98.6%  
 Số trẻ suy thấp còi : 2/150 đạt 1.3%  
 Số trẻ thừa cân : 0

NGƯỜI LẬP BIỂU



Cao Thị Liên

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
 TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI  
 Ủy Ban Nhân Dân T.P. Đà Nẵng  
 Nguyễn Thị Mến